

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về quản lý, lập dự toán, thanh toán, quyết toán  
các công trình thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới  
trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013 -2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT- Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ thông báo kết luận số 214-TB/TU ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, kiêm Trưởng ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng NTM;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh tại văn bản số 1001/STC-QLNS ngày 05/8/2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về quản lý, lập dự toán, thanh toán, quyết toán các công trình thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013 - 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành của tỉnh, Ban chỉ đạo Chương trình NTM các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- T.Tr Tỉnh ủy;
- T.Tr HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể;
- Lưu: VT, NNTNMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đàm Văn Bông**

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý, lập dự toán, thanh toán, quyết toán  
các công trình thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới  
trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013 -2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND,  
ngày tháng năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về quản lý, lập dự toán và thanh toán, quyết toán kinh phí từ nguồn NSNN và các nguồn huy động khác đầu tư xây dựng công trình hạ tầng để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Quy định này không điều chỉnh đối với các công trình do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ trực tiếp đầu tư cho xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng nông thôn mới của tỉnh

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Việc đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng tại xã nông thôn mới được thực hiện theo phương châm dựa vào nội lực của cộng đồng địa phương là chính, nhà nước hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước trực tiếp cho xã. Đồng thời với việc huy động đóng góp tích cực của nhân dân, của các doanh nghiệp để xây dựng thôn xóm nông thôn mới.

2. Việc lựa chọn công trình cụ thể, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư của từng công trình do chính người dân địa phương bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định trên cơ sở quy chuẩn của Nhà nước, khả năng huy động nguồn lực đầu tư.

3. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội địa phương chủ yếu đóng vai trò chỉ đạo; hướng dẫn; xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện. Tạo điều kiện động viên tinh thần, vận động người dân thực hiện vai trò làm chủ thông qua cộng đồng.

**Điều 4. Nguồn lực để thực hiện chương trình**

1. Nguồn lực để tổ chức thực hiện theo đúng nội dung tại điểm 2, mục II hướng dẫn số 33/HD-UBND ngày 21/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn bổ sung (nếu có).

2. Giai đoạn 2013 - 2015, nguồn lực hỗ trợ từ NSNN chủ yếu tập trung vào 40 xã điểm xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

3. Khuyến khích các huyện, thành phố vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và nhân dân trong huyện cùng tham gia đóng góp để xây dựng các công trình hạ tầng thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới.

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Danh mục công trình đầu tư và định mức hỗ trợ**

#### **1. Công trình do Nhà nước đầu tư toàn bộ**

- Đường giao thông: đường trục xã, đường liên thôn và các công trình trên đường liên thôn, như cầu, cống, đập tràn trên đường.

- Công trình thủy lợi: Đập đầu mối, kênh dẫn dòng và các công trình trên kênh như : cửa xả, đập tràn...

- Hệ thống thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh tại trung tâm xã, thôn đông dân cư.

- Công trình dân dụng: Trường học đạt chuẩn, trạm xá, trụ sở xã, trung tâm văn hoá xã, Trạm biến áp thôn.

#### **2. Đối với các công trình Nhà nước hỗ trợ đầu tư, huy động thêm sự đóng góp của cộng đồng, nhân dân tự thi công**

##### **a) Danh mục công trình đầu tư**

- Đường giao thông: Đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng có độ rộng mặt đường từ 2-4m; các công trình trên đường có thiết kế đơn giản.

- Thủy lợi áp dụng cho kênh nội đồng (30 x 30)cm; (30 x 40)cm, (40 x 40)cm

- Nhà văn hóa thôn, công trình thể thao thôn, điểm trường thôn, đường điện 0,4kv; cấp nước sinh hoạt có quy mô nhỏ dưới 500 triệu đồng và thiết kế đơn giản, công trình thoát nước thải trong thôn.

b) Thủ tục hồ sơ: Lập dự toán, bản vẽ thi công; lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự toán tùy theo tính chất từng loại công trình được quy định tại phụ lục 1.

c) Định mức Nhà nước hỗ trợ đầu tư theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục số 01 đính kèm.

#### **3. Đối với các công trình do nhân dân tự thực hiện được nhà nước hỗ trợ xi măng cho các hộ nghèo**

##### **a) Hạng mục công trình đầu tư**

- Đường vào hộ gia đình;

- Láng bó nền nhà, làm nhà vệ sinh, nhà tắm, bể nước và chuồng chăn nuôi gia súc.

b) Định mức hỗ trợ xi măng quy định tại Phụ lục số 01.

### **Điều 6. Công tác lập kế hoạch, giao dự toán kinh phí**

#### **1. Công tác lập kế hoạch hàng năm**

##### **a) Đối với cấp xã:**

- Việc xây dựng kế hoạch hàng năm của xã phải căn cứ quy hoạch, đề án xã nông thôn mới được duyệt, nhu cầu thực tế và phải được lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong toàn xã với sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp huyện.



- Nội dung kế hoạch đầu tư hàng năm phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch được duyệt, có tính khả thi về kỹ thuật, khả năng huy động nguồn lực đầu tư, gồm các nội dung cơ bản sau: Phân loại công trình theo quy định tại Điều 5, chi tiết danh mục các công trình; địa điểm xây dựng; tiêu chuẩn kỹ thuật; thời gian khởi công và hoàn thành; dự toán kinh phí đầu tư; nguồn vốn đầu tư; giải pháp huy động nguồn lực đầu tư; phương thức tổ chức thực hiện cho từng công trình.

b) Đối với cấp huyện:

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Căn cứ vào nguồn lực được huy động cho chương trình xây dựng nông thôn mới năm trước, khả năng thực hiện năm kế hoạch để xây dựng kế hoạch năm gửi Ban chỉ đạo tỉnh (Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh) dựa trên kế hoạch đăng ký của các xã.

- Có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn giúp các xã lập kế hoạch hàng năm chi tiết theo từng nội dung yêu cầu của chương trình xây dựng nông thôn mới.

## **2. Giao dự toán kinh phí thực hiện chương trình**

a) Căn cứ giao dự toán kinh phí

- Kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới hàng năm (do các xã đề xuất).

- Nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao hàng năm từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn lồng ghép khác (vốn vay tín dụng ưu đãi, sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh ...)

- Nguồn lực huy động của các tổ chức, cá nhân tài trợ và khả năng đóng góp của người dân để xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch năm.

b) Các bước giao dự toán

- UBND huyện phân bổ kinh phí chi tiết từng nội dung công việc (theo kế hoạch xã đề xuất) cho từng xã.

- Sau khi UBND cấp huyện có quyết định phân bổ kinh phí cho xã, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã chỉ đạo Ban quản lý NTM xã phân bổ vốn cho từng công trình, trình HĐND xã thông qua; Trường hợp không trùng với kỳ họp thì xin ý kiến của Thường trực HĐND xã trước khi ký quyết định phân bổ và báo cáo với HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

- UBND xã có trách nhiệm quyết định phân bổ cụ thể kinh phí cho từng nội dung thực hiện; Riêng đối với nhà nước hỗ trợ xi măng cho hộ nghèo theo nội dung hỗ trợ, UBND cấp xã quyết định danh sách, nội dung hỗ trợ và định mức hỗ trợ các hộ gia đình tại các thôn.

## **Điều 7. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng đối với các công trình hạ tầng cơ sở**

**1. Nguyên tắc lập:**

a) Đối với các công trình nhà nước đầu tư toàn bộ : Việc lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổng mức đầu tư và dự toán theo đúng quy định hiện hành trong đầu tư xây dựng.

b) Đối với công trình nhà nước hỗ trợ vốn, nhân dân tự thi công và huy động thêm sự đóng góp của cộng đồng thôn, xóm: Thực hiện việc lập báo cáo KTKT và dự toán theo khoản 2 điều này và các phụ lục kèm theo.

c) Định mức hỗ trợ công lao động cho các hộ tham gia xây dựng công trình thực hiện theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của UBND tỉnh

## **2. Phương pháp lập hồ sơ công trình đối với phương thức nhà nước hỗ trợ, nhân dân tự thi công:**

### **a) Cơ chế đặc thù:**

Đối với các dự án, công trình có quy mô nhỏ (vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng) hoặc kỹ thuật đơn giản, có thiết kế mẫu, thiết kế định hình (có thể áp dụng trên diện rộng, cá nhân, cộng đồng có thể đảm nhiệm) thì không cần lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chỉ cần lập dự toán và giao nhiệm vụ cho người dân, cộng đồng thực hiện (sau đây gọi tắt là cơ chế đặc thù) theo quy trình như sau:

#### **- Lập dự toán:**

Bước 1: Ban Quản lý xã phối hợp với Ban Phát triển thôn tổ chức họp với người dân (Mẫu 03 - Biên bản họp thôn) để thảo luận và quyết định thống nhất mức đóng góp thực hiện thi công các dự án, công trình theo cơ chế đầu tư đặc thù trên địa bàn.

Bước 2: Ban quản lý xã có trách nhiệm phối hợp với Ban phát triển thôn tổng hợp và lập dự toán các dự án, công trình thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù, trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân xã để thẩm định và phê duyệt (Mẫu 04- Đề nghị phê duyệt dự toán).

Bước 3: Ban quản lý xã lập danh mục các dự án, công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù gửi UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt (Mẫu 01- Đề xuất danh mục các công trình, dự án thực hiện đầu tư theo cơ chế đặc thù). Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (Mẫu 02 - Quyết định phê duyệt danh mục dự án, công trình thực hiện đầu tư theo cơ chế đặc thù) và thông báo cho Ban quản lý xã để phổ biến đến các thôn, bản, cộng đồng dân cư về các dự án, công trình được thực hiện theo cơ chế này.

Dự toán gồm các nội dung chính như sau:

+ Tên dự án, công trình; Địa điểm xây dựng; Chủ đầu tư; Quy mô công trình; Tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu/thiết kế định hình; Thời gian thực hiện; Tổ chức/cá nhân thực hiện.

+ Giá trị dự toán, trong đó bao gồm hỗ trợ kinh phí nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân, và các nguồn khác (nếu có), hình thức đóng góp, công trình đầu tư và các quy định thanh toán. ( chi tiết dự toán theo phụ lục 2,3)

+ Đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo được nhà nước hỗ trợ xi măng: Ban phát triển thôn (Trường thôn) có trách nhiệm họp thôn để xét các hộ đủ tiêu chuẩn và bình bầu theo thứ tự ưu tiên khi được giao kinh phí. BQL xây dựng nông thôn mới của xã tổng hợp nhu cầu đăng ký của các thôn (có địa chỉ và nhu cầu đăng ký của từng hộ gia đình).

- Công tác thẩm định, phê duyệt: Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi quyết định phê duyệt dự toán công trình (theo các mẫu 5,6 đính kèm).

b) Đối với công trình lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (không thuộc cơ chế đặc thù nêu tại điểm a nêu trên), thực hiện theo mục b khoản 7, điều 10 của của thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 và thông tư sửa đổi bổ sung nếu có.

c) Đối với các công trình của hộ nghèo được nhà nước hỗ trợ kinh phí mua xi măng: Quyết định của UBND xã phê duyệt danh sách các hộ và nội dung, mức hỗ trợ cho từng hộ gia đình.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện công trình theo phương thức nhân dân tự thi công**

### **1. Thi công**

Căn cứ dự toán được phê duyệt (hoặc bản vẽ thi công và dự toán), Ban quản lý xã phối hợp với Ban phát triển thôn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thi công công trình:

- Ban quản lý xã ký hợp đồng với Ban phát triển thôn hoặc tổ đội, nhóm hộ thực hiện các nội dung của dự án, công trình.

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn để hỗ trợ tổ chức triển khai thực hiện.

- Ban giám sát cộng đồng cùng với nhân dân có trách nhiệm giám sát việc thực hiện (theo thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/ 12/ 2006 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg về quy chế giám sát cộng đồng )

### **2. Nghiệm thu công trình**

Ban quản lý xã, Ban Phát triển thôn cùng với Ban giám sát cộng đồng thực hiện kiểm tra và nghiệm thu theo quy định.

a) Thành phần nghiệm thu: Hội đồng nghiệm thu do chủ đầu tư chủ trì, có sự tham gia của các thành viên gồm: Đơn vị quản lý chuyên môn về thiết kế, lập dự toán của xã, Ban quản lý xã, ban giám sát cộng đồng, Ban phát triển thôn nơi có công trình và cán bộ giám sát, thi công (nếu có).

b) Phương pháp nghiệm thu:

- Đối với các công trình áp dụng thiết kế định hình và lập dự toán : Nghiệm thu theo các chỉ kỹ thuật chủ yếu như: Chiều dài, chiều rộng, độ dày bê tông, mác bê tông của tuyến đường, kênh mương, hệ thống thoát nước thải ; Diện tích xây dựng và một số chỉ kỹ thuật chính đối với công trình dân dụng.

- Đối với các công trình do nhân dân tự thực hiện: nhà vệ sinh gia đình, bể nước, làm nền nhà, chuồng gia súc, nhà ở dân cư nông thôn, đường vào hộ gia đình. Phương pháp nghiệm thu theo khối lượng, kỹ thuật công trình theo nghị quyết 74/2012/NQ-HDND:

+ Đường giao thông vào hộ gia đình nghiệm thu theo chiều dài, chiều rộng, độ dày bê tông, mác bê tông của tuyến đường.

+ Bể nước nghiệm thu theo dung tích chứa ( m<sup>3</sup>).

+ Đối với công trình vệ sinh, nhà ở dân cư, nền nhà, chuồng gia súc... nghiệm thu theo diện tích sử dụng (m<sup>2</sup>).

### **3. Bàn giao, quản lý, khai khác công trình:**

Sau khi nghiệm thu, ban quản lý XDNTM phải bàn giao công trình, hồ sơ hoàn công (nếu có), quyết định phê duyệt giá trị quyết toán công trình cho thôn và hộ gia đình có trách nhiệm quản lý sử dụng và bảo trì.

## **Điều 9. Công tác thanh, quyết toán**

1. Đối với các công trình nhà nước đầu tư toàn bộ: thực hiện thanh toán theo quy định hiện hành với từng cấp ngân sách. Trường hợp nhân dân tự thi công thì thực hiện theo điểm 2 dưới đây

2. Đối với các công trình phương thức nhân dân tự thi công (ký kết hợp đồng qua Ban phát triển thôn hoặc tổ, đội, hoặc nhóm hộ):

a) Thanh toán:

- Ban Quản lý xây dựng NTM cấp xã và KBNN thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc vốn ngân sách cấp xã.

Đối với các dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù thì được thực hiện thanh, quyết toán như sau:

+ Hồ sơ thanh toán công trình của dự án, công trình bao gồm: Quyết định phê duyệt danh mục công trình, dự án được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù, Quyết định phê duyệt Dự toán, hợp đồng ký kết giữa Ban Quản lý xã và tổ chức, tổ, đội, cá nhân thực hiện các nội dung của dự án, công trình.

+ Các quy định về tạm ứng, thanh toán được thực hiện như hướng dẫn đối với gói thầu do người dân trong xã tự làm tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn. Riêng tạm ứng, thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu để trả công lao động, mua cát, đá, sỏi do nhân dân tự khai thác.

- Ban Quản lý NTM cấp xã phối hợp với Ban phát triển thôn:

+ Thanh toán tiền công lao động: Căn cứ bảng chấm công lao động trực tiếp của người dân tham gia, mức hỗ trợ tiền công lao động do UBND tỉnh quy định để thực hiện chi trả trực tiếp cho người lao động tham gia XD công trình.

+ Thanh toán tiền mua vật liệu tự sản xuất cho người dân: Căn cứ bảng kê khối lượng đã mua được sử dụng vào công trình, mức giá vật liệu đã được Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã duyệt để thực hiện chi trả.

b) Quyết toán công trình :

- Căn cứ biên bản nghiệm thu, báo cáo hoàn công thực hiện quyết toán công trình theo đơn giá dự toán và khối lượng thực hiện. Có chia chi tiết các nguồn kinh phí để làm căn cứ hạch toán quyết toán ngân sách.

- Đối với kinh phí tiết kiệm được (Giá trị quyết toán - thực chi cho công trình) sau khi đảm bảo thanh toán đủ cho chi phí vật liệu và người lao động. Thôn được phép giữ lại để thành lập quỹ phát triển thôn nhằm sử dụng chung cho cộng đồng thực hiện mục tiêu xây dựng NTM trong thôn.

- Hạch toán, quyết toán ngân sách: Theo nguồn vốn được phân cấp và thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách phân giá trị nhân dân đóng góp (nếu có) vào từng công trình.

2. Đối với các công trình do nhân dân tự thực hiện: bao gồm các công trình: nhà vệ sinh gia đình, bể nước, làm nền nhà, chuồng gia súc, nhà ở dân cư nông thôn, đường vào hộ gia đình :

a) Thanh toán : Kho bạc nhà nước thực hiện tạm ứng không quá 80% tiền hỗ trợ vật liệu cho các hộ gia đình theo quyết định của UBND cấp xã ; thực hiện

thanh toán đủ 100% tiền hỗ trợ khi có biên bản nghiệm thu cụ thể của từng hộ gia đình hoặc các hộ của từng thôn.

b) Quyết toán : Ban Quản lý NTM cấp xã thực hiện quyết toán theo giá trị hỗ trợ trực tiếp của khối lượng nghiệm thu từng công trình, tổng hợp quyết toán theo quy định hiện hành.

#### **Điều 10. Thực hiện công khai dân chủ tại cơ sở**

1. Nội dung công khai:

- Công khai danh mục công trình, số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng các công trình trong năm KH.

- Công khai dự toán công trình (tổng được chi của công trình)

- Công khai mức chi trả: Giá mua vật liệu dân tự khai thác; giá nhân công cho người tham gia lao động trực tiếp tại công trình.

- Công khai nội dung thanh toán cho nhân dân: số công tham gia ; Công lao động chi tiết cho từng hộ; Số vật liệu dân tự khai thác được mua để sử dụng vào công trình, số tiền trả cho vật liệu khai thác.

- Công khai số kinh phí và hiện vật do các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân ủng hộ xây dựng các công trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn (nếu có).

- Công khai giá trị công trình được quyết toán.

- Công khai số tiết kiệm được sau khi quyết toán công trình để thành lập quỹ phát triển thôn

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại trụ sở xã: Bao gồm các nội dung: Danh mục công trình thi công trong năm; Danh sách các hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng các công trình trong xã (chi tiết theo thôn); Mức chi trả công lao động; Giá mua các loại vật liệu của nhân dân tự khai thác.

- Niêm yết tại trụ sở thôn và thông qua cuộc họp thôn: các nội dung tại điểm 1 nêu trên.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của cấp huyện, xã trong quản lý chương trình**

1. Trách nhiệm UBND huyện, thành phố:

- Huy động và tập trung các nguồn lực (đặc biệt nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) để bố trí thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện của các xã.

2. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã:

- Các xã thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo Xây dựng nông thôn mới cấp xã do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; Chủ tịch UBND xã là Phó Trưởng ban, Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã, Chủ tịch Hội Nông dân xã và các đơn vị liên quan làm thành viên Ban Chỉ đạo.

Trưởng hợp Bí thư kiêm Chủ tịch UBND xã thì Phó trưởng ban Chỉ đạo xã

là Phó chủ tịch UBND xã. Các thành viên khác do Đảng ủy xã quyết định. Ban Chỉ đạo xã do Đảng ủy xã thành lập.

- Ban Chỉ đạo xã có nhiệm vụ giúp Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, nâng cao chất lượng vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống ở khu dân cư gắn với thực hiện nông thôn mới.

+ Chỉ đạo và huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia xây dựng nông thôn mới.

+ Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Ban quản lý xã, Ban Phát triển thôn thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

+ Duyệt giá mua vật liệu tại chỗ trong trường hợp nhân dân trong xã, thôn tự khai thác (bằng hoặc thấp hơn thông báo giá của liên Sở Tài chính - Xây dựng); duyệt kế hoạch cung ứng vật liệu để đảm bảo kịp thời gian thi công công trình.

Trong trường hợp giá mua vật liệu thấp hơn giá thông báo của liên Sở Tài chính - Xây dựng, Ban chỉ đạo xã chỉ đạo Ban quản lý xã cùng với Ban phát triển thôn lập lại dự toán theo đơn giá mua được Ban chỉ đạo xã duyệt để thực hiện công khai với nhân dân.

+ Tổng hợp kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã hàng năm và 5 năm báo cáo Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện.

+ Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

### 3. Trách nhiệm của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật; Nhiệm vụ và quyền hạn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC.

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã có trách nhiệm lập kế hoạch và hợp đồng mua vật tư cung ứng cho xã để triển khai thực hiện. Đối với các loại vật tư, vật liệu không tự khai thác, cần có hợp đồng cụ thể với đơn vị cung ứng đảm bảo số lượng, chất lượng và giá cả. Kế hoạch hợp đồng cung ứng vật tư phải được Ban chỉ đạo xã duyệt. Đối với các loại vật tư, vật liệu sử dụng để thi công xây dựng phải đảm bảo đạt TCVN theo quy định hiện hành.

- Ban quản lý XDNTM của xã có trách nhiệm tham mưu cho Ban chỉ đạo xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân (công lao động, tiền mặt, vật tư, vật liệu... tùy theo yêu cầu của từng loại công trình) để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng từng công trình; Thành lập tổ giám sát và thực hiện giám sát, quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình theo đúng quy định. Xây dựng quy chế để quản lý, khai thác, sửa chữa công trình sau khi hoàn thành và giao cho thôn quản lý, bảo vệ để công trình mang lại hiệu quả thiết thực.

### 4. Ban phát triển thôn

- Ban phát triển thôn do dân trong thôn bầu ra để đại diện nhân dân thực

hiện triển khai các công việc liên quan trực tiếp đến thôn theo sự phân công của ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã.

- Ban phát triển thôn phối hợp với Ban quản lý XDNTM của xã thực hiện việc chấm công lao động và chi trả trả tiền công cho những người tham gia lao động trực tiếp tại công trình do dân tự thực hiện.

- Ban phát triển thôn có trách nhiệm quản lý quỹ chung của thôn được hình thành thông qua việc tiết kiệm chi phí xây dựng công trình (sau khi được quyết toán) do thôn tự thi công hoặc các nguồn khác để phục vụ cho việc xây dựng NTM tại thôn. ( Gọ tên là Quỹ phát triển thôn - việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển thôn có quy định riêng).

#### **Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các công trình đang thi công dở dang đã thực hiện theo định mức hỗ trợ tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 của UBND tỉnh, thì tiếp tục thực hiện theo định mức quy định tại Quyết định số 784/QĐ-UBND và thực hiện việc thanh toán, quyết toán theo quy định này.

#### **Điều 13. Chế độ thông tin báo cáo**

1. Ủy ban nhân dân xã báo cáo với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trước ngày 10 hàng tháng.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Ban quản lý (Văn phòng điều phối) chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh vào ngày 15 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, BCĐ tỉnh và các bộ, ngành có liên quan.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Quy định này được thực hiện kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

2. Giao Ban quản lý (Văn phòng điều phối) chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện khuyến khích UBND các huyện, thành phố, các xã, các thôn bản phát huy dân chủ họp bàn thống nhất trong cộng đồng dân cư thực hiện linh hoạt hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm (có thể sự hỗ trợ của nhà nước thấp hơn định mức để phát huy được nội lực trong nhân dân). Đồng thời, qua triển khai nếu cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế thì các huyện, thành phố báo cáo về Ban quản lý (Văn phòng điều phối) chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh xem xét, quyết định./p;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đàm Văn Bông**

**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
(Nhà nước hỗ trợ kinh phí, nhân dân tự thi công)**

Số TT	Hạng mục / Quy định	Định mức nhà nước hỗ trợ		Yêu cầu đối với hồ sơ công trình
		Xã 30a và xã, thôn khu vực ĐBK	Các xã còn lại	
		Chính sách hỗ trợ/Chi phí trực tiếp	Chính sách hỗ trợ/Chi phí trực tiếp	
<b>1</b>	<b>CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>			
<b>1</b>	Đường trục thôn, liên thôn bề rộng mặt bê tông Bm=3,5m	100%	75%	Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Bề rộng nền: Bn=4,5m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=18cm			
	Bê tông: M200 đá dăm 2x4cm			
<b>2</b>	Đường trục thôn, liên thôn bề rộng mặt bê tông Bm=3,0m	100%	75%	Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Bề rộng nền: Bn=4,0m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=14cm			
	Bê tông: M200 đá dăm 2x4cm			
<b>3</b>	Đường trục thôn, liên thôn bề rộng mặt bê tông Bm=2,5m	100%	75%	Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Bề rộng nền: Bn=3,5m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=14cm			
	Bê tông: M200 đá dăm 2x4cm			
<b>4</b>	Đường trục thôn, liên thôn mặt đường lát đá	100%	75%	Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Cấu tạo mặt đường: Sử dụng đá hộc (15x25)cm, đá ba (10x20) cm làm vỉa; đá ba, đá dăm 4x6 cm để lát mặt đường. (tùy theo chiều dày lớp mặt để chọn kích cỡ đá phù hợp)			
	Lát bằng đá hộc vữa xi măng (VXM) mác 100.			
	<b>+ Đường cấp A</b>			
	Bề rộng mặt: Bm=3,5m (chưa kể bề rộng nền đường)			
	Chiều dày lớp mặt: H=20cm			
	<b>+ Đường cấp B</b>			
	Bề rộng mặt: Bm=3,0m (chưa kể bề rộng nền đường)			
	Chiều dày lớp mặt: H=12cm			
	<b>+ Đường cấp C</b>			
	Bề rộng mặt: Bm=2,5m (chưa kể bề rộng nền đường)			
	Chiều dày lớp mặt: H=12cm			
<b>5</b>	Rãnh thoát nước dọc đường	100%	75%	Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Rãnh dọc xây đá hộc VXM mác 75			
<b>6</b>	Đường vào liên hộ gia đình loại 2m (có chiều dài ≥ 300m).	100%	75%	



Số TT	Hạng mục / Quy định	Định mức nhà nước hỗ trợ		Yêu cầu đối với hồ sơ công trình
		Xã 30a và xã, thôn khu vực ĐBK	Các xã còn lại	
		Chính sách hỗ trợ/Chi phí trực tiếp	Chính sách hỗ trợ/Chi phí trực tiếp	
	Bề mặt đường: Bm=2,0m			Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Bề rộng lề đường 2 bên mỗi bên tối thiểu: Bl=0,5m			
	Chiều dày: H=14cm			
	Bê tông: M200 đá dăm 2x4 cm			
II	<b>CÔNG TRÌNH KÊNH MUƠNG</b>	100%	75%	Lập dự toán theo thiết kế định hình
	Cấu tạo chung			
	+ Đáy bê tông: M200 đá 1x2cm, dày = 15cm			
	+ Thành bê tông M200 đá 1x2cm, dày = 15cm			
1	- Mặt cắt 30x30cm (mặt cắt trong)			
2	- Mặt cắt 30x40cm (mặt cắt trong)			
3	- Mặt cắt 40x40cm (mặt cắt trong)			
III	<b>ĐƯỜNG ĐIỆN 0,4 KV</b>	100%	75%	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán
IV	<b>CẤP NƯỚC SẠCH</b>	100%	75%	
V	<b>THOÁT NƯỚC KHU DÂN CƯ</b>	100%	75%	
VI	<b>CÔNG TRÌNH VĂN HÓA THÔN</b>	100%	75%	
1	Nhà văn hóa			Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật theo thiết kế mẫu
	Nhà cấp IV, 5 gian, diện tích tối thiểu 90m <sup>2</sup>			
	Nhà sàn 3 gian 2 trái			
2	Cổng làng văn hóa			Lập Bản vẽ thi công, dự toán
	- Khẩu độ lưu thông tối thiểu: Chiều rộng 6,0m, cao 4,5m (phù hợp với vị trí đặt cổng và văn hóa đặc trưng của làng).			
VII	<b>CÁC CÔNG TRÌNH THỂ THAO THÔN</b>	100%	75%	Lập Bản vẽ thi công, dự toán
VIII	<b>HỖ TRỢ TRỰC TIẾP CHO HỘ NGHÈO BẰNG XI MĂNG</b>			
1	Đường vào hộ gia đình loại 1,5m	50 kg xi măng/1m		Danh sách hộ kèm theo khối lượng đăng ký
	Bề mặt đường: Bm=1,5m			
	Bề rộng lề đường 2 bên mỗi bên tối thiểu: Bl=0,5m			
	Chiều dày: H=10cm			
	Bê tông: M200 đá 1x2 cm			
	Chiều dài tối đa không quá 50 m			
2	Đường vào hộ gia đình loại 1,0m	36 kg xi măng/1m		Danh sách hộ kèm theo khối lượng đăng ký
	Bề rộng mặt đường: Bm=1,0m			
	Chiều dày: H=10cm			
	Bê tông: M200 đá 1x2 cm			

Số TT	Hạng mục / Quy định	Định mức nhà nước hỗ trợ		Yêu cầu đối với hồ sơ công trình
		Xã 30a và xã, thôn khu vực ĐBK	Các xã còn lại	
		Chính sách hỗ trợ/Chi phí trực tiếp	Chính sách hỗ trợ/Chi phí trực tiếp	
	Chiều dài tối đa không quá 50 m			
3	Bể nước (từ 3m <sup>3</sup> đến 6m <sup>3</sup> đối với vùng thấp, từ 6m <sup>3</sup> đến 10m <sup>3</sup> đối với các huyện vùng cao núi đá)	100 kg xi măng/m <sup>3</sup> nước		Danh sách kèm theo khối lượng
4	Chuồng chăn nuôi gia súc	500 kg xi măng/hộ		
5	Nhà vệ sinh	400 kg xi măng/hộ		
6	Nhà tắm	400 kg xi măng/hộ		
7	Láng và bó nền nhà (tối đa 90m <sup>3</sup> )	15 kg xi măng/m <sup>2</sup>		

**Ghi chú:** Định mức trên khi lập dự toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Bê tông lót thiết kế :  $H \leq 10\text{cm}$  bê tông đá dăm VXM mác 50 hoặc mác 75.

Chi phí trực tiếp được hỗ trợ gồm: Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí giám sát thi công

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH CÁC XÃ THUỘC KHU VỰC 30 A VÀ XÃ, THÔN THUỘC VÙNG 135**  
(Nhà nước hỗ trợ kinh phí, nhân dân tự thi công)

Bảng 1. Công trình giao thông, thủy lợi:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Định mức nhà nước hỗ trợ	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí vật liệu</b>		<b>ĐMNN</b>	<b>100%</b>	Giá thông báo liên số + Cước VC (nếu có)	
	Xi măng	kg				
	Cát	m <sup>3</sup>				
	Đá dăm	m <sup>3</sup>				
	Vật liệu khác					
<b>II</b>	<b>Chi phí nhân công</b>		<b>ĐMNN</b>	<b>100%</b>		
	Công kỹ thuật	Công		30%	Giá nhân công	
	Lao động phổ thông	Công		70%	100.000 đồng/công (theo QĐ số 1363/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của UBND tỉnh)	
<b>III</b>	<b>Chi phí máy thi công</b>	<b>Ca</b>	<b>ĐMNN</b>	<b>100%</b>	Giá ca máy	
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý</b>					
	Chi phí giám sát thi công	%	ĐMNN	100%	QĐ 957/QĐ - BXD	
	<b>Tổng cộng (I+II+III+IV):</b>					

Bảng 2. Công trình dân dụng, khác:

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Định mức nhà nước hỗ trợ	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí vật liệu</b>		<b>ĐMNN</b>	<b>100%</b>	Giá thông báo liên số + Cước VC (nếu có)	
	Xi măng	kg				
	Cát	m <sup>3</sup>				

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Định mức nhà nước hỗ trợ	Đơn giá	Thành tiền
	Đá dăm	m3				
	Gạch các loại	viên				
	Gỗ	m3				
	Vật liệu khác					
<b>II</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	Công	ĐMNN	100%		
	Công kỹ thuật		% theo từng loại công trình		Giá nhân công	
	Lao động phổ thông				100.000 đồng/công	
<b>III</b>	<b>Chi phí máy thi công</b>	Ca	ĐMNN	100%	Giá ca máy	
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý</b>					
	Chi phí giám sát thi công	%	ĐMNN	100%	QE 957/QĐ - BXD	
	<b>Tổng cộng (I+II+III+IV):</b>					

**Ghi chú:**

1/ Các chi phí khác: Chi phí quản lý dự án, chi phí thẩm định dự toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán nếu địa phương nào huy động được sự đóng góp từ các tổ chức cá nhân, các nguồn vốn hợp pháp khác và sự đóng góp tự nguyện của nhân dân, thì được chi trả theo mức quy định của nhà nước.

2/ Sử dụng vật liệu đối với các vùng: Nơi nào không có cát thì thay bằng bột đá; Nơi nào không có đá dăm, đá hộc thì thay bằng sỏi cuội, đá suối đảm bảo chất lượng.

3/ Các chi phí nhân dân đóng góp như hiến đất, công lao động hoặc bằng tiền, khi lập dự toán cần bổ sung thêm phần giá trị nhân dân đóng góp vào công trình

**DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH CÁC XÃ CÒN LẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
**Nhà nước hỗ trợ kinh phí, nhân dân tự thi công**

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Định mức nhà nước hỗ trợ		Nhân dân đóng góp		Tổng dự toán			
					Tỷ lệ %	Thành tiền	Tỷ lệ %	Thành tiền	Tổng số	Chia ra		
										Nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp	
<b>A</b>	<b>C. trình giao thông, thủy lợi:</b>											
<b>I</b>	<b>Chi phí vật liệu</b>		ĐMNN		75%		25%					
	Xi măng	Kg		Giá thông báo liên sở + Cước VC								
	Cát	m3										
	Đá dăm	m3										
	Vật liệu khác											
<b>II</b>	<b>Chi phí nhân công</b>		ĐMNN		75%		25%					
	Công kỹ thuật	Công		Giá nhân công	30% x 75%							
	Lao động phổ thông	Công		100.000 đồng/công	70% x 75 %							
<b>III</b>	<b>Chi phí máy thi công</b>	Ca	ĐMNN	Giá ca máy	75%		25%					
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý</b>											
	Chi phí giám sát thi công	%	ĐMNN	QĐ 957/QĐ - BXD	75%		25%					
	<b>Tổng cộng A=(I+II+III+IV):</b>											
<b>B</b>	<b>Công trình dân dụng, khác:</b>											
<b>I</b>	<b>Chi phí vật liệu</b>				75%		25%					
	Xi măng	kg	ĐMNN	Giá thông báo liên sở + Cước VC								
	Cát	m3										
	Đá dăm	m3										
	Gạch các loại	viên										
	Gỗ	m3										
	Vật liệu khác											
<b>II</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	Công	ĐMNN		75%		25%					
	Công kỹ thuật		Tự xác định	% theo từng công trình			% theo từng công trình					
	Lao động phổ thông											

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Định mức nhà nước hỗ trợ		Nhân dân đóng góp		Tổng dự toán		
					Tỷ lệ %	Thành tiền	Tỷ lệ %	Thành tiền	Tổng số	Chia ra	
										Nhà nước hỗ trợ	Nhân dân đóng góp
III	Chi phí máy thi công	Ca	ĐMNN		75%		25%				
IV	Chi phí quản lý						25%				
	Chi phí giám sát thi công	%	ĐMNN		75%						
	<b>Tổng cộng B=(I+II+III+IV):</b>										

**Ghi chú:**

- 1/ Chi phí trực tiếp: các huyện tùy theo từng nội dung huy động đóng góp bằng tiền cho vật liệu phải mua hoặc tự khai thác, ngày công LĐ, mức huy động lao động thô thông trong từng loại công trình để lập dự toán chi tiết, không cố định tất cả các nội dung, đúng theo tỷ lệ 25%; nhưng phải đảm bảo mức hỗ trợ của nhà nước không quá 75% chi phí trực tiếp
- 2/ Các chi phí khác: Chi phí quản lý dự án, chi phí thẩm định dự toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán nếu địa phương nào huy động được sự đóng góp từ các tổ chức cá nhân, các nguồn vốn hợp pháp khác và sự đóng góp tự nguyện của nhân dân, thì được chi trả theo mức quy định của nhà nước.
- 3/ Sử dụng vật liệu đối với các vùng: Nơi nào không có cát thì thay bằng bột đá; Nơi nào không có đá dăm, đá hộc thì thay bằng sỏi cuội, đá sỏi đảm bảo chất lượng.
- 4/ Các chi phí nhân dân đóng góp như hiến đất và các chi phí khác theo ghi chú tại điểm 2, khi lập dự toán cần bổ sung thêm phần giá trị nhân dân đóng góp vào công trình
- 5/ Sử dụng biểu mẫu này để kèm theo Quyết định phê duyệt dự toán của UBND cấp xã cho từng công trình theo mẫu 04 và 06

UBND xã ....  
BAN QUẢN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ....

....., ngày .... tháng .... năm ...

V/v đề xuất danh mục dự án

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....

Thực hiện Kế hoạch chương trình xây dựng nông thôn mới của xã ... năm/giai đoạn..., Ban quản lý xã ..... Đề xuất danh mục các dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù và có kỹ thuật đơn giản thực hiện trong thời gian ... như sau:

ST T	Tên công trình, dự án	Thời gian thực hiện	Vốn đầu tư			Địa điểm xây dựng	Quy mô	Yêu cầu kỹ thuật
			Tổng số	Trong đó				
				Nhà nước hỗ	Nhân dân đóng góp			
a	b	c	1=2+3	2	3	4	5	6
I	Giao thông thôn							
1	Công trình: ...							
2	Công trình: ...							
II	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng							
1	Công trình: ...							
2	Công trình: ...							
III	....							

Đề nghị UBND huyện ..... xem xét và phê duyệt danh mục các dự án công trình được thực hiện theo cơ chế đặc thù.

Nơi nhận:

- Như trên
- UBND xã;
- Lưu BQL

TM. BAN QUẢN LÝ





Mẫu 03- Biên bản họp thôn

UBND Xã .....  
Thôn.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày tháng năm .....

**BIÊN BẢN HỌP THÔN**

Hôm nay, ngày tháng năm 201.., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn .....đã tổ chức họp đề: (nêu mục đích cuộc họp)

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh)
- Thành phần tham gia:
  - + Danh sách người (đại diện cho các hộ trong thôn) tham gia:
  - + Danh sách đại diện các tổ chức, đoàn thể tham gia:

**1. Nội dung cuộc họp**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Kết quả cuộc họp hoặc Quyết định của cuộc họp**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Cuộc họp đã kết thúc hồi .....cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

**Chủ trì**  
(ký, họ tên)

**Thư ký**  
(ký, họ tên)

**Đại diện hộ dân**  
(ký, họ tên)

**Mẫu 04- Đề nghị phê duyệt dự toán**

**UBND Xã .....**  
**BAN QUẢN LÝ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm .....

**TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

- Căn cứ Đề án nông thôn mới xã..
- Căn cứ Quyết định số ..... phê duyệt danh mục các dự án, công trình được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù
- Căn cứ vào biên bản họp thôn....

....  
Ban Quản lý xã đề nghị ủy ban nhân dân xã ... xem xét, phê duyệt Dự toán dự án/công trình XZY (có dự toán gửi kèm) như sau:

1. Tên dự án, công trình
2. Chủ đầu tư
3. Quy mô dự án, công trình
4. Mục tiêu và nội dung chính (chỉ số kỹ thuật....., theo tiêu chuẩn.... thiết kế...)
5. Địa điểm
6. Tổng vốn đầu tư:  
trong đó
  - Nguồn vốn Ngân sách hỗ trợ
  - Nguồn vốn do dân góp...
7. Thời gian thực hiện
8. Đơn vị thực hiện: (tổ chức, cá nhân, cộng đồng)
9. Phương thức thực hiện:

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu:

**TM. BAN QUẢN LÝ**  
**TRƯỞNG BAN**

**Dự toán công trình: .....**  
*(Kèm theo Tờ trình thẩm định.....)*

TT	Hoạt động	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
					Nhà nước hỗ trợ	Đóng góp của các tổ chức, cá nhân, nhân dân	
<b>I</b>	<b>Mua vật liệu</b>						
	- Xi măng						Tính hỗ trợ theo định mức
	- Cát						Dân tự mua
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>						
	Thuê nhân công						Trả theo ngày công
	Dân đóng góp						
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý</b>						
	<b>Tổng cộng</b>						

**Mẫu 05- Báo cáo thẩm định**

**UBND Xã .....**  
**TỔ THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm .....

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Căn cứ đề xuất thẩm định dự toán của Ban Quản lý xã ngày và hồ sơ thẩm định gửi kèm, Tổ thẩm định đã tổ chức thẩm định như sau:

1. Thành phần thẩm định:
2. Thời gian thẩm định
3. Nội dung thẩm định
  - 3.1 Hồ sơ thẩm định: (Đạt/ không đạt - Lý do)
  - 3.2. Tính khả thi về mặt kỹ thuật: (Đạt/không đạt - Lý do)
  - 3.3. Khả thi về nguồn vốn: (Đủ/không đủ - Lý do)
  - 3.4. Tính hợp lý về chi phí: (Phù hợp/ Không phù hợp - Lý do)
4. Đề xuất:
  - Các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
  - Đề nghị phê duyệt hoặc không phê duyệt

**TM. TỔ THẨM ĐỊNH**  
**TỔ TRƯỞNG**

**Dự toán công trình: .....**  
**(Kèm theo Tờ trình thẩm định.....)**

TT	Hoạt động	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
					Nhà nước hỗ trợ	Đóng góp của các tổ chức, cá nhân, nhân dân	
<b>I</b>	<b>Mua vật liệu</b>						
	- Xi măng						Tính hỗ trợ theo định mức
	- Cát						Dân tự mua
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>						
	Thuê nhân công						Trả theo ngày công
	Dân đóng góp						
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý</b>						
	<b>Tổng cộng</b>						

**Mẫu 06- Quyết định phê duyệt Dự toán**

UBND xã.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../QĐ-UB

....., ngày..... tháng... năm

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

- Căn cứ.....
- Căn cứ.....
- Theo đề xuất của Ban quản lý xã .... và đề nghị của Tổ thẩm định dự toán

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Dự toán ...**

*(có dự toán chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã; Trưởng các ban ngành, đoàn thể xã; Kế toán xã chịu trách nhiệm thi hành./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 2;
- Lưu VT, UBND xã

**CHỦ TỊCH**

## DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số .....)

TT	Hoạt động	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó		Ghi chú
					Nhà nước hỗ trợ	Đóng góp của các tổ chức, cá nhân, nhân dân	
<b>I</b>	<b>Mua vật liệu</b>						
	- Xi măng						Tính hỗ trợ theo định mức
	Cát						Dân tự mua
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>						
	Thuê nhân công						Trả theo ngày công
	Dân đóng góp						
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý</b>						
	<b>Tổng cộng</b>						